

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày 22-02-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiểu

Bà Nguyễn Thị Phin

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; trụ sở: Số 40-42-44 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông D- Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL chi nhánh Hải Phòng; (theo văn bản ủy quyền số: 228/UQ-KLHP ngày 20/3/2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL chi nhánh Hải Phòng); có mặt.

- Bị đơn: Anh VQD và chị DTTH; cùng cư trú tại: Số 50 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng; cùng vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ1, bà NLQ2, chị NLQ3 và chị NLQ4; cùng cư trú tại: Số 50 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng; cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh VQD, chị DTTH đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 017/16/HĐTD/1400-1453 ngày 15/01/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL Chi nhánh Hải Phòng (sau đây viết tắt là KL Bank) để vay số tiền 1.650.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn cho vay: 12 tháng. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 18/01/2018 KL Bank đã giải ngân cho anh VQD, chị DTTH số tiền 1.650.000.000 đồng; lãi suất 10,44%/ năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/ lần và được tính bằng lãi suất cho vay hiện hành tại Ngân hàng ngay sau khi điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; lãi tiền vay được trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, KL Bank Chi nhánh Hải Phòng, anh VQD, chị DTTH và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 005/16/HĐTC-BDS/1400-1453 ngày 15/01/2016. Bên thế chấp là ông NLQ1, bà NLQ2, anh VQD, chị NLQ3 và chị NLQ4. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 79,40 m² đất ở (sử dụng riêng: 21,40 m², sử dụng chung: 58 m²) và toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên đất tọa lạc tại nhà số 50, tầng 1+2 phố E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 030105NONO, hồ sơ gốc số 7488 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/6/2006 cho chủ sử dụng là ông NLQ1 và bà NLQ2 và Quyền sử dụng 58,0 m² đất ở tại đô thị (sử dụng riêng: 0,0 m², sử dụng chung: 58,0 m²) và nhà ở tọa lạc tại số 50 P8 T2 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 424384, số vào sổ cấp GCN: CH 00022 do Ủy ban nhân dân quận G, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/4/2014 cho chủ sử dụng là ông NLQ1, bà NLQ2 cùng các con là anh VQD, chị NLQ3 và NLQ4.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh VQD và chị DTTH không trả được nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 017/16/HĐTD/1400-1453 ngày 15/01/201, đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với khách hàng vay và bên bảo lãnh về nghĩa vụ trả nợ khoản vay nhưng anh VQD và chị DTTH vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/02/2019, anh VQD và chị DTTH còn nợ KL Bank tổng số tiền là 2.442.758.966 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 179.416.417 đồng, nợ lãi quá hạn 566.960.625 đồng và phí phạt chậm trả lãi là 46.381.924 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh VQD và vợ là chị DTTH trả cho KL Bank toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/02/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn của hợp đồng đã ký. Nếu anh VQD, chị DTTH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì KL Bank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho KL Bank thì anh VQD và chị DTTH phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2018, bị đơn anh VQD đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Anh VQD trình bày lý do của việc không trả được nợ vay đúng hạn là do gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh. Anh VQD còn xác nhận chị DTTH hiện vắng mặt tại địa phương nên anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, anh đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ để gia đình anh có thời gian bán đất để trả nợ. Trường hợp anh VQD không thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì anh và các thành viên trong gia đình đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 11/10/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, bà NLQ2 đồng ý với những yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, Ông NLQ1, bà NLQ2 trình bày bổ sung: Do làm ăn khó khăn nên con trai và con dâu của ông bà là anh VQD, chị DTTH chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên ông bà đề nghị Ngân hàng gia hạn để các con ông bà có kế hoạch trả nợ. Trường hợp anh VQD, chị DTTH không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông bà đề nghị phát mại tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn chị DTTH và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị NLQ3 và NLQ4 vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị DTTH, chị NLQ3 và chị NLQ4 cũng như đã nhiều lần triệu tập đương sự đến Tòa án để làm việc, nhưng chị DTTH, chị NLQ3 và chị NLQ4 đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập

chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và khi có đương sự vắng mặt tại phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 716, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh VQD và vợ là chị DTTH phải trả cho KL Bank số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.442.758.966 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 179.416.417 đồng, nợ lãi quá hạn 566.960.625 đồng và phí phạt chậm trả lãi 46.381.924 đồng. Anh VQD, chị DTTH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2018) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, bị đơn anh VQD, chị DTTH phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh VQD, chị DTTH trả nợ tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng là tại: Số 50 E, Phường F, quận G, thành phố Hải Phòng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn chị DTTH đã thay đổi địa chỉ gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ mới của bị đơn. Theo quy định

tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 194 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh VQD, chị DTTH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1, bà NLQ2, NLQ3 và NLQ4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Thấy rằng, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 017/16/HĐTD/1400-1453 ngày 15/01/2016 được ký kết do các bên điều tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 017/16/HĐTD/1400-1453 ngày 15/01/2016 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận, đã thực hiện việc giải ngân cho bị đơn theo đúng thời điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn gặp khó khăn trong kinh doanh nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền nợ theo hợp đồng vay vốn tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/02/2019 là 2.442.758.966 đồng; trong đó, nợ gốc 1.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 179.416.417 đồng, nợ lãi quá hạn 566.960.625 đồng và phí phạt chậm trả lãi là 46.381.924 đồng; bị đơn anh VQD thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Như vậy, việc anh VQD, chị DTTH có ký hợp đồng tín dụng và còn nợ KL Bank số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 đồng.

[5] Về việc các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 017/16/HĐTD/1400-1453 ngày 15/01/2016, thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó...”. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng việc thỏa thuận áp dụng lãi suất của các bên phải phù

hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết; cụ thể: Phải phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Quyết định sửa đổi, bổ sung số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì lãi suất được áp dụng theo thỏa thuận của các bên. Tại hợp đồng tín dụng lãi suất các bên thỏa thuận là 10,44%/năm và có sự điều chỉnh. Như vậy, theo bảng kê tính lãi do KL Bank cung cấp thì mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Đối với số tiền phạt chậm trả lãi, thấy rằng: Theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký thì bị đơn phải chịu phạt chậm trả lãi theo lãi suất là 0,05%/ngày. Căn cứ khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127 /2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì: "...việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật..." và theo điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì việc tính lãi chậm trả lãi do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả và thời gian chậm trả. Theo biểu tính lãi của nguyên đơn cung cấp thì lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Như vậy, việc áp dụng lãi suất chậm trả lãi là phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và đánh giá tại mục [4] [5] [6] Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, buộc bị đơn anh VQD và chị DTTH phải trả cho KL Bank số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.442.758.966 đồng; bao gồm, nợ gốc 1.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 179.416.417 đồng, nợ lãi quá hạn 566.960.625 đồng và phí phạt chậm trả lãi 46.381.924 đồng.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 005/16/HĐTC-BDS/1400-1453 ngày 15/01/2016, các bên ký kết hợp đồng do tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có gì thay đổi về diện tích và vật kiến trúc trên đất so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật. Cho nên, trường hợp anh VQD, chị DTTH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì KL Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là chính đáng, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đã được quy

định trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận. Về phương thức xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo phương thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ của bị đơn cho nguyên đơn mà còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp là ông NLQ1, bà NLQ2, anh VQD, chị NLQ3 và chị NLQ4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì anh VQD, chị DTTH phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

[9] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho KL Bank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.475.000 đồng. Bị đơn anh VQD, chị DTTH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.442.758.966 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 80.855.179 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 716, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn anh VQD và chị DTTH phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL tổng số tiền là 2.442.758.966 (hai tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi sáu) đồng; bao gồm, nợ gốc 1.650.000.000 (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 179.416.417 (một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm mười bảy) đồng, nợ lãi quá hạn 566.960.625 (năm trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng và phí phạt chậm trả lãi 46.381.924 (bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi một nghìn chín trăm hai mươi tư) đồng.

1. 1. Trường hợp anh VQD chị DTTH không trả được số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền

yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL. Tài sản thế chấp được xử lý là: Quyền sử dụng 79,40 m² đất ở (sử dụng riêng: 21.40 m², sử dụng chung: 58 m²) và toàn bộ vật kiến trúc được xây dựng trên đất tọa lạc tại nhà số 50, tầng 1+2 E, quận G, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 030105NONO, hồ sơ gốc số 7488 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/6/2006 cho chủ sử dụng là ông NLQ1 và bà NLQ2 và quyền sử dụng 58,0 m² đất ở tại đô thị (sử dụng riêng: 0,0 m², sử dụng chung: 58,0 m²) và nhà ở tọa lạc tại số 50 P8 T2 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 424384, số vào sổ cấp GCN: CH 00022 do Ủy ban nhân dân quận G, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/4/2014 cho chủ sử dụng là ông NLQ1, bà NLQ2 cùng các con là VQD, NLQ3 và NLQ4.

1.2. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL mà còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL thì anh VQD, chị DTTH phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2019), anh VQD, chị DTTH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng KL Bank thì lãi xuất mà anh VQD chị DTTH vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng KL Bank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Anh VQD và chị DTTH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 80.855.179 (tám mươi triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.475.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 7849 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Hường